

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 23/01/2019

“V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kia

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Loan Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 “*V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-DS ngày 20/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Quỹ tín dụng nhân dân A** ; địa chỉ: 136A Đỗ Trạc, Phường Tây Sơn, thị xã A , tỉnh Gia Lai.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Huỳnh Văn R** – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn B** , sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 10, phường C , thị xã A , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Đặng Thị Thùy L** , sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 10, phường C , thị xã A , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Huỳnh Văn R trình bày:

Ngày 13/3/2014 ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L vay Quỹ tín dụng nhân dân Asố tiền 120.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 0569/21111112HĐTD, mục đích vay tiền: mua bán nông sản, thời hạn vay:

12 tháng, lãi suất cho vay thỏa thuận: 1,25 %, mức lãi suất sẽ được điều chỉnh thay đổi tăng theo lãi suất thị trường, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Tài sản bảo đảm khoản vay, ông B và bà L thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2906/HĐTC ngày 11/3/2013 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 647842 do UBND thị xã Acáp ngày 21/3/2008, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 00, diện tích 180m² địa chỉ thửa đất: Đường Nguyễn Văn T , Tổ 10, phường C , thị xã A , tỉnh Gia Lai và nhà cấp IV diện tích 30m². Sau khi vay xong, ông B và bà L không trả lãi và gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân A . Quỹ tín dụng nhân dân A đã nhiều lần đôn đốc ông B , bà L trả nợ nhưng ông B bà L không trả. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng gồm tiền gốc 120.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/01/2019) với số tiền là 115.050.000đ và tiếp tục trả cho đến khi hết các khoản nợ lãi phát sinh tại Quỹ tín dụng nhân dân A .

Bị đơn ông Nguyễn Văn B mặt dù đã được Tòa Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thùy L mặt dù đã được Tòa Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Ayêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L; địa chỉ: Tổ 10, phường C , thị xã A , tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án dân sự “Tranh chấp về hợp đồng

tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A , tỉnh Gia Lai.

[2] Ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân A vào ngày 13/3/2014 thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2005 vẫn còn hiệu lực, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Trong giấy đề nghị vay vốn và trong Hợp đồng tín dụng số 0569/21111 lập ngày 13/3/2014 bị đơn ông Nguyễn Văn B , sinh năm 1978 và bà Đặng Thị Thùy L , sinh năm 1977, ghi địa chỉ cư trú là Tổ 10, phường C , thị xã A , tỉnh Gia Lai. Ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2015 cho đến nay không thông báo cho Quỹ tín dụng nhân dân A biết địa chỉ nơi ở mới. Như vậy đây được coi là cố tính giấu địa chỉ, mặc dù Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức gì của ông B , bà L . Tòa án nhân dân thị xã A đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐST – VDS ngày 22/10/2018 tuyên bố ông B và bà L vắng mặt tại nơi cư trú: Tổ 10, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ông B và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông B và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L .

[4]. Về nội dung vụ án:

Xét hợp đồng hợp đồng tín dụng số 0569/2111112HĐTD lập ngày 13/3/2014 giữa một bên là Quỹ tín dụng Nhân dân A với một bên là ông Nguyễn Văn B , mục đích vay tiền mua bán nông sản và phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn: 1,25 %, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của ông B , mục đích và nội dung của Hợp đồng tín dụng là tự nguyện, hình thức hợp đồng, các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 122 và 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Quỹ tín dụng nhân dân A đã giải ngân cho ông B số tiền 120.000.000đ như vậy Quỹ tín dụng nhân dân A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Tuy nhiên từ khi nhận tiền vay bị đơn ông Nguyễn Văn B không thực hiện cả gốc và lãi như cam kết trong hợp đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ dân sự.

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ như trong hợp đồng là có căn cứ.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: tuy trong Hợp đồng tín dụng bà L không ký vào hợp đồng nhưng trong “Giấy đề nghị vay vốn” và Hợp đồng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng vay tại Quỹ tín dụng nhân dân A, bà L cùng ông B đề nghị Quỹ tín dụng cho vay 120.000.000đ với mục đích phát triển kinh tế gia đình. Nên đủ cơ sở xác định bà L biết việc vay này và hơn nữa việc ông B vay tiền là nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình nên Quỹ tín dụng yêu cầu ông B bà L trả nợ là có căn cứ.

Vì vậy, cần buộc Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L phải trả số tiền gốc 120.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 23/01/2019 như sau: từ ngày 13/3/2014 đến hết ngày 23/01/2019; số tiền lãi = 732 ngày x 120.000.000đ x 1,25%/30 + 1046 ngày x 120.000.000đ x 1,875%/30 = 115.050.000đ.

Đối với tài sản thế chấp: nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì ông B bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm nên ông B bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.752.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 290, 342, 474, 715, 716 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A.

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L phải liên đới thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 235.050.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó nợ gốc 120.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 23/01/2019 là 115.050.000đ.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến

khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Thùy L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.752.500đ (*Mười một triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

Quỹ tín dụng nhân dân A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.443.125đ (*Năm triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng*) theo biên lai số 0006994 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Gia Lai;
- VKSND. thị xã A ;
- Chi cục THADS. TX. A ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án Văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Kia

Nguyễn Văn Minh

Lê Long Sơn

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Gia Lai;
- VKSND. thị xã A ;
- Chi cục THADS. TX. A ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Ấn Văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Kia

Nguyễn Văn Minh

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Kia

Nguyễn Văn Minh

Lê Long Sơn

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Gia Lai;
- VKSND. thị xã A ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS. TX. A ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án Văn.

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Kia

Nguyễn Văn Minh

Lê Long Sơn